

**CÁC NHÀ TƯ TƯỞNG LỚN
CỦA KITÔ GIÁO**

Các nhà tư tưởng lớn của Kitô giáo || Hans Küng

Bản quyền tiếng Việt © Nhà xuất bản Tri thức

Cuốn sách được xuất bản theo hợp đồng chuyển nhượng bản quyền giữa Nhà xuất bản Tri thức và Stiftung Weltethos.

Bản quyền tác phẩm đã được bảo hộ. Mọi hình thức xuất bản, sao chụp, phân phối dưới dạng in ấn hoặc văn bản điện tử mà không có sự cho phép của NXB Tri thức là hành vi vi phạm pháp luật.

Great Christian Thinkers || Hans Küng

Great Christian Thinkers ©1994

Published by arrangement with Hans Küng, 2008

This translation of is published by arrangement with Stiftung Weltethos.

All rights reserved.

HANS KÜNG

Nguyễn Nghị dịch

CÁC NHÀ
TU TƯỞNG
LỚN
CỦA
KITÔ GIÁO

(Tái bản lần thứ nhất)



NHÀ XUẤT BẢN TRI THỨC

Mục lục

<i>Đôi lời giới thiệu của người dịch</i>	11
<i>Một dẫn nhập ngắn vào thần học</i>	23
PHAOLÔ: KITÔ GIÁO TRỞ THÀNH TÔN GIÁO THẾ GIỚI	25
<i>Bảng niên đại (theo Helmut Köester)</i>	27
1. Con người gây tranh cãi nhiều nhất giữa người Kitô hữu và người Do Thái	29
2. Một sự đổi đời – đổi thời	32
3. Không quan tâm tới Đức Giêsu?	35
4. Điều gắn Phaolô với Đức Giêsu	38
5. Chung mục tiêu	40
6. Phaolô chống lại lề luật Do Thái?	43
7. Torah vẫn còn giá trị	45
8. Cuộc tranh luận nổi tiếng nhất trong giáo hội tiên khởi	47
9. Một con người của thời đại mình	50
10. Những khích lệ lâu dài cho cá nhân, dân chúng, cộng đoàn	51
<i>Thư mục về Phaolô</i>	57
ORIGEN: SỰ TỔNG HỢP VĨ ĐẠI GIỮA THỜI CỔ ĐẠI VÀ TINH THẦN KITÔ GIÁO	59
<i>Bảng niên đại (theo P. Nautin)</i>	61
1. Một thách thức mới	63
2. Vị từ đạo không thành	65

3. Mẫu hình đầu tiên của nền thần học có tính khoa học	69
4. Sự hòa giải giữa Kitô giáo và văn hóa Hy Lạp: Một cái nhìn về tổng thể	71
5. Origen đọc Thánh Kinh thế nào	75
6. Thuyết phổ quát của Kitô giáo	78
7. Các cuộc bách hại mới và thắng lợi của Kitô giáo	79
8. Phát triển hay rời bỏ Tin Mừng?	82
9. Một sự chuyển dịch trung tâm gây ra vấn đề	84
10. Cuộc chiến vì tính chính thống	88
11. Tự phê bình của Kitô giáo dưới ánh sáng của tương lai	89
<i>Thư mục về Origen</i>	92

AUGUSTINÔ: TỔ PHỤ CỦA TOÀN BỘ NỀN THẦN HỌC PHƯƠNG TÂY LATIN	93
<i>Bảng niên đại (theo P. Brown)</i>	95
1. Người cha của một hệ hình [paradigm] mới	97
2. Origen và Augustinô – những điểm khác nhau và giống nhau	98
3. Một cuộc đời trong khủng hoảng	101
4. Tới với Kitô giáo	103
5. Cuộc tranh luận về giáo hội đích thực: Donatus và các hậu quả	105
6. Sự biện minh cho bạo lực vì sự nghiệp tôn giáo	108
7. Cuộc tranh luận về ân sủng: Pelagius và các hậu quả	111
8. Thần học về tội tổ tông và về sự tiền định	115
9. Những vấn nạn có tính phê phán đặt ra cho Augustinô	117
10. Mối đe dọa lớn đối với đế quốc	123
11. Ý nghĩa của lịch sử là gì?	126
<i>Thư mục về Augustinô</i>	130

THOMAS AQUINAS: KHOA HỌC ĐẠI HỌC VÀ THẦN HỌC GIÁO TRIỀU	131
<i>Bảng niên đại (theo J. A. Weisheipl)</i>	133
1. Thay đổi môi trường sống và lối sống	135
2. Aristot – mối nguy hiểm	139
3. Thần học – giờ đây là một khoa học đại học mang tính lý tính	142

4. Việc khám phá ra sức mạnh của lý trí	144
5. Hai Summae [Tổng luận] – một nguyên tắc thiết kế	146
6. Một nền thần học mới – khởi đầu bị xem như lạc thuyết	149
7. Một sự lệ thuộc khó hiểu vào Augustinô	151
8. Một vũ trụ quan của thời Cổ đại: một khảo nghiệm – vị trí của phụ nữ	153
9. Một nền thần học giáo triều: củng cố ngôi vị giáo hoàng	158
10. Đối thoại với Islam và Do Thái giáo?	160
11. Việc Summa [Tổng luận] bị bỏ dở một cách khó hiểu	162
<i>Thư mục về Thomas Aquinas</i>	165

MARTIN LUTHER: SỰ TRỞ VỀ VỚI TIN MỪNG NHƯ TRƯỜNG HỢP KINH ĐIỂN CỦA MỘT SỰ THAY ĐỔI CÓ TÍNH HỆ HÌNH

<i>Bảng niên đại (theo R. Schwarz)</i>	169
1. Tại sao lại có một cuộc Cải cách Luther	171
2. Câu hỏi căn bản: con người được công chính hóa trước Thiên Chúa như thế nào?	173
3. Luther, người Công giáo	175
4. Tia lửa của cuộc Cải cách	177
5. Chương trình cho công cuộc Cải cách	182
6. Sự thôi thúc căn bản của cuộc Cải cách	185
7. Hệ hình Cải cách	187
8. Chuẩn mực của thần học	190
9. Người ta có thể nói Luther đứng ở điểm nào	192
10. Những thành quả còn phải bàn của cuộc Cải cách Luther	194
11. Sự phân hóa trong cuộc Cải cách	197
12. Sự tự do của giáo hội?	198
<i>Thư mục về Martin Luther</i>	201

FRIEDRICH SCHLEIERMACHER: THẦN HỌC Ở BUỔI TRANH TỐI TRANH SÁNG CỦA THỜI HIỆN ĐẠI

<i>Bảng niên đại (theo M. Redeker)</i>	205
1. Vượt khỏi phong trào Pietist và chủ nghĩa duy lý	207
2. Một con người của thời hiện đại	212

3. Niềm tin trong một thời đại mới	214
4. Người ta có thể là con người hiện đại và tôn giáo?	216
5. Tôn giáo là gì?	218
6. Tầm quan trọng của “tôn giáo thực chứng”	220
7. Bản chất của Kitô giáo	223
8. Một niềm tin hiện đại	225
9. Đức Kitô – người thực sự	229
10. Đức Kitô – cũng là Thiên Chúa thật?	231
11. Những câu hỏi có tính phê phán	235
12. Tuy vậy: vẫn là nhà thần học có tính hệ hình của thời hiện đại	238
<i>Thư mục về Friedrich Schleiermacher</i>	241

KARL BARTH: NỀN THẦN HỌC TRONG THỜI KỲ CHUYỂN SANG THỜI HẬU HIỆN ĐẠI

<i>Bảng niên đại (theo E. Busch)</i>	245
1. Một người Tin lành gây tranh cãi tại Hội đồng Thế giới các Giáo hội	247
2. Phê phán Công giáo Roma	249
3. Những nỗ lực tìm hiểu của Công giáo	251
4. Sự đồng thuận mang tính đại kết	255
5. Công đồng chung Vatican II	257
6. Tại sao hệ hình của thời hiện đại lại cần được phê phán	260
7. Người khởi xướng hệ hình hậu hiện đại của nền thần học	263
8. Không phải là người hoàn thiện hệ hình hậu hiện đại	266
9. Sự thách thức trường tồn của “nền thần học tự nhiên”	269
10. Thách thức còn mãi của Rudolf Bultmann	273
11. Tiến tới việc đọc lại có tính phê phán và đồng cảm trước chân trời hậu hiện đại	276
<i>Thư mục về Karl Barth</i>	279

Lời bạt: Những đường nét chỉ đạo cho một nền thần học hợp thời	281
--	-----

Đôi lời giới thiệu của người dịch

Về tác giả

Hans Küng là một tác giả quen thuộc trong, và cả ngoài Công giáo. Ông sinh năm 1928 tại Sursee (Thụy Sĩ). Cử nhân thần học tại Đại học Grêgôriô (Roma) và thụ phong linh mục năm 26 tuổi, làm luận án tiến sĩ về Karl Barth – một thần học gia Tin lành, một trong bảy nhà thần học được ông giới thiệu trong tập sách này, tại Học viện Công giáo Paris. Ông được giao phụ trách một giáo xứ tại Lucerne. Năm 32 tuổi, ông được chỉ định làm giáo sư thần học tại Đại học Tübingen. Giáo hoàng Gioan XXIII đã chỉ định ông làm chuyên viên thần học chính thức, – cũng như thần học gia Joseph Ratzinger, nay là Giáo hoàng Bênêđictô XVI – của công đồng chung Vatican II, một Hội nghị các giám mục trên toàn thế giới (1962-1965). Lúc này ông mới 35 tuổi và là một trong những nhà cổ vấn chính thức trẻ tuổi nhất của công đồng. Công đồng này được xem như một cuộc cải tổ lớn trong giáo hội Công giáo theo chiều hướng cởi mở, một *aggiornamento*^{*}, sự cập nhật hóa chính mình, vì thế là một bước ngoặt quan trọng của lịch sử giáo hội Công giáo. Giáo hoàng XXIII và công đồng chung Vatican II trở thành một trong những điểm quy chiếu của Hans Küng khi bàn về tổ chức của giáo hội, vai trò của giáo hoàng và guồng máy điều hành của Roma trong giáo hội.

Vấn đề Đại kết¹ là một trong những trục tư tưởng chủ yếu của Hans Küng. Từ luận án tiến sĩ của mình, Hans Küng xuất bản cuốn

¹ Liên quan đến các mối quan hệ giữa các giáo hội Kitô giáo khác nhau – Công giáo, Tin lành, Chính Thống giáo – đặc biệt, các nỗ lực nhằm thiết lập sự hiệp nhất các giáo hội.

Các nhà tư tưởng lớn của Kitô giáo

Rechtfertigung [Công chính hóa]². Trong tập sách này, ông cho thấy giữa Công giáo và Tin lành có thể có một sự xích lại gần nhau về chủ đề *Công chính hóa*, – việc con người tội lỗi trở thành công chính trước mặt Thiên Chúa –, một trong những vấn đề then chốt của cuộc tranh cãi thần học giữa Công giáo và Tin lành. Hans Küng đã trở lại với tập sách này khi bàn về Karl Barth ở đây. Tác giả cũng tổ chức các cuộc trao đổi giữa Kitô giáo và các tôn giáo thế giới (Islam, Ấn giáo, Phật giáo)³, giữa Kitô giáo và Tôn giáo Trung Hoa⁴. Khi bàn về xu hướng của thần học trong thiên niên kỷ thứ III này, ông không ngần ngại khẳng định nền thần học này sẽ mang tính đại kết, giữa các giáo hội Kitô giáo với nhau (Công giáo và các giáo hội Tin lành, Chính Thống giáo), giữa Kitô giáo với các tôn giáo thế giới và các vùng trên thế giới, theo một hệ hình mang tính đại kết⁵.

Nhưng sự nghiệp thần học của Hans Küng đã không diễn ra một cách xuôi chày. Như không ít các nhà thần học Công giáo nổi tiếng khác, ông đã không được những người có bốn phận bảo vệ tính chính thống của giáo lý Công giáo nhìn với con mắt thiện cảm. Phê phán một số giáo huấn của giáo hội, đặc biệt về khẳng định liên quan đến tính không sai lầm của giáo hoàng, năm 1979, dưới triều Giáo hoàng Gioan-Phaolô II, Hans Küng đã bị Tòa thánh Roma rút lại quyền giảng dạy thần học. Nhưng, tại các đại học ở Đức, môn thần học được xem là một môn học như các môn học khác, nên người ta đã mở riêng cho ông một khoa nghiên cứu đại kết thuộc Đại học Tübingen để ông có thể tiếp tục công việc giảng dạy thần học của mình. Ngoài ra, ông còn thành lập và điều khiển quỹ Vì một nền đạo đức thế giới [Weltethos]. Trong

² Hans Küng, *Rechtfertigung, Die Lehre Karl Barth und eine katholische Besinnung*, Johannes/Benziger, 1957; Serie Piper 674.

³ Xem Hans Küng, Josef van Ess, Heinrich von Stietencron, Heinz Bechert, *Christentum und Weltreligionen, Hinführung zum Dialog mit Islam, Hinduismus und Buddhismus* [Kitô giáo và các tôn giáo thế giới, dẫn vào cuộc đối thoại với Islam, Ấn giáo và Phật giáo], R. Piper & Co, München, 1984.

⁴ Xem Hans Küng và Julia Ching, *Christentum und chinesische Religion* [Kitô giáo và tôn giáo Trung Hoa], R. Piper GmbH & Co. HG, Munich, 1988...

⁵ Xem Hans Küng, *Une théologie pour le 3e millénaire* [Một nền thần học cho thiên niên kỷ III], bản dịch từ tiếng Đức của Joseph Feisthauer, Éd. Du Seuil, Paris, 1989, trg. 177. Nguyên bản bằng tiếng Đức của đề sách khẳng định rõ hơn khuynh hướng này: *Theologie im Aufbruch, Eine ökumenische Grundlegung* [Thần học ở điểm xuất phát, một nền móng đại kết], R. Piper GmbH & Co. KG, Munich, 1987.

Đôi lời giới thiệu của người dịch

lĩnh vực này, ông đặc biệt quan tâm tìm hiểu mối liên quan giữa bạo lực và sự thánh thiêng.

Tác phẩm

Tập sách nhỏ có tựa đề là *Các nhà tư tưởng lớn của Kitô giáo* [Grosse christliche Denker] này, như ông viết trong phần Dẫn nhập, là một nhập môn thần học Kitô giáo. Nhưng là “một kiểu nhập môn không mấy quen thuộc”, như tác giả viết. Thần học được ông giới thiệu ở đây chính là “Thần học đang ở trong quá trình thực hành, thần học trong phác thảo sống động, thần học như được phản ánh bởi những nhân vật mang tính hệ hình [paradigmatischer] của lịch sử Kitô giáo – những nhà tư tưởng lớn của Kitô giáo tiêu biểu cho cả thời đại”. Những “nhân vật mang tính hệ hình” được Hans Küng chọn giới thiệu trong tập sách này là: **Phaolô** (?-60), **Origen** (185-251), **Augustinô** (354-430), **Thomas Aquinas** (1224/5-1274), **Martin Luther** (1483-1546), **Schleiermacher** (1768-1834) và **Karl Barth** (1886-1968). Trong số này, bốn vị đầu là các nhà thần học Công giáo, ba vị sau là các nhà thần học Tin lành.

Thần học Kitô giáo

Từ thần học [trong tiếng Đức, *Theologie*, tiếng Anh, *theology*, hay tiếng Pháp, *théologie*] được ghép bởi hai từ Hy Lạp: *theos* (Chúa, Thần) và *logos* (lời, lý) được sử dụng trong Kitô giáo để chỉ khoa học về Thiên Chúa, chủ yếu về Thiên Chúa người Kitô hữu tin tưởng và tôn thờ. Trong thực tế, khoa học này bao gồm toàn bộ giáo lý Kitô giáo.

Nhưng giáo lý Kitô giáo lại được, và phải được xây dựng trên mạc khải của Thiên Chúa, nghĩa là trên những gì Thiên Chúa muốn tỏ bày cho con người về chính Ngài, về quan hệ của Ngài với con người và vũ trụ, về công trình cứu độ loài người liên quan đến hạnh phúc vĩnh hằng của con người. Kitô giáo tin rằng mạc khải này được Thiên Chúa thông đạt cho con người bằng nhiều cách, đặc biệt, qua các hành động của Ngài, qua các thụ tạo, các biến cố lịch sử, và trên hết, qua Đức Giêsu Kitô và Thánh Kinh gồm Cựu Ước và Tân Ước chính là mạc khải thành văn của Thiên Chúa. Đối với Công giáo, Truyền thống của giáo hội cũng là một nguồn của mạc khải.

Các nhà tư tưởng lớn của Kitô giáo

Kitô giáo

Kitô giáo khởi đầu từ niềm tin nơi Đức Giêsu, người Nazaret, xứ Palestin, con người đã bị giết chết trên thập giá, dưới thời tổng trấn Pilato, người Roma, – Palestin lúc ấy đang ở dưới sự đô hộ của đế quốc Roma –, nhưng đã toàn thắng sự chết và đã sống lại cho sự sống mới trong vinh quang của Thiên Chúa, là chính Đức Kitô, Đức Mêsia⁶ người Do Thái mong đợi như vị Cứu tinh Thiên Chúa hứa ban cho dân của Ngài. Kitô giáo khởi đầu được xem như một “giáo phái” trong Do Thái giáo. Đức Giêsu là một người Do Thái, được giáo dục trong Do Thái giáo. Ngài và mười hai Tông đồ của Ngài, những người được Ngài chọn và đào tạo để được sai đi rao giảng Tin Mừng, là những tín đồ ngoan đạo của Do Thái giáo.

Nhưng niềm tin mới này đã sớm tách khỏi Do Thái giáo và trở thành một tôn giáo mới, được gọi là Kitô giáo, tôn giáo của những kẻ tin ở Đức Giêsu là Đức Kitô. Tôn giáo mới này đã sớm phát triển ra ngoài Palestin, tại thế giới Địa Trung Hải, và ngay từ thế hệ thứ nhất đã truyền tới phương Tây. Phêrô và Phaolô, các môn đệ tiên khởi của Đức Giêsu, đã có mặt tại thủ phủ của đế chế Roma vào giữa thế kỷ I. Kitô giáo đã phát triển thành một tôn giáo có tính toàn cầu, một Công giáo, tôn giáo dành cho mọi người ở mọi nơi và vào mọi thời đại, chứ không còn chỉ dành riêng cho một dân, một chủng tộc, như Do Thái giáo.

Để có thể là tôn giáo của mọi người ở mọi nơi và vào mọi thời đại, thì tín thư, Tin Mừng, mạc khải của Thiên Chúa, giáo lý của Kitô giáo không ngừng đòi hỏi phải được diễn giải, giải thích để mọi con người, thuộc các nền văn hóa khác nhau, có thể hiểu được và đón nhận. Và thần học là một trong những nỗ lực góp phần vào công việc diễn giải và giải thích này một cách có ý thức và phương pháp. Hans Küng, trong lời tựa của tập sách về các nhà thần học ông đánh giá là “lớn” này, đã nói lên cái cốt lõi của thần học: “Nhà thần học trước tiên phải là người phục vụ cho *Logos*, Lời. Không phải tư tưởng của nhà thần học mà là Lời của Thiên Chúa cần phải được phiên dịch cho con người của thời đại nhà thần học đang sống. Qua việc tra vấn và tìm kiếm không mệt mỏi, các nhà thần học tìm cách có được cái hiểu mới về công cuộc của Thiên Chúa và nói sao cho thời đại của mình và nơi mình đang sống có

⁶ Mêsia, tiếng Hipri (tiếng Do Thái cổ), được dịch sang tiếng Hy Lạp là Krestos, tiếng Latin là Christus, từ đó, tiếng Pháp, tiếng Anh,... là Christ, tiếng Bồ Đào Nha là Cristo và phiên âm tiếng Việt là Kitô.

Đôi lời giới thiệu của người dịch

thể hiểu được – dù hợp thời, không hợp thời, dù có làm vui lòng tinh thần riêng của thời đại hay không”.

Các nhà thần học được Hans Küng chọn giới thiệu trong tập sách này được xem là những tác giả lớn. “Tác giả lớn”, ở đây, như tác giả viết ở phần Dẫn nhập, không có nghĩa là đã viết nhiều, tuy rằng, trong thực tế, trừ Phaolô, tất cả các tác giả đều đã để lại gần như một thư viện nhỏ gồm các tác phẩm họ đã viết, và một thư viện khác gồm những sách người ta đã viết về họ. “Lớn” ở đây chủ yếu chỉ tầm quan trọng mà các nhà thần học này đã có được trong lịch sử thần học Kitô giáo, những người đã thực hiện, đã khởi đầu hay hoàn tất những bước ngoặt trong lịch sử thần học Kitô giáo.

Để diễn tả tầm quan trọng của mỗi nhà thần học được đề cập đến trong tập sách này, Hans Küng đã sử dụng từ *Paradigma*, chúng tôi tạm dịch là hệ hình⁷, và thay đổi hệ hình [*Paradigmenwechsel*] để làm chuẩn mực phân tích bày tác giả được nêu trên.

Hệ hình và thay đổi hệ hình

– Hệ hình

Từ *Paradigm*, hệ hình, là khái niệm được nhà khoa học tự nhiên Thomas S. Kuhn sử dụng để phân tích và tìm hiểu sự xuất hiện của những học thuyết mới trong lịch sử khoa học tự nhiên. Chính T. Kuhn đã định nghĩa hệ hình là: “an entire constellation of beliefs, values, techniques, and so on shared by the members of a given community”; “tout l’ensemble de croyances, de valeurs reconnues et de techniques qui sont communes aux membres d’un groupe donné” [một tổng thể các niềm tin, các giá trị, kỹ thuật được các thành viên của một nhóm nhất định nhìn nhận]⁸.

⁷ Một số từ điển, từ vựng Thần học Việt Nam dịch từ này bằng nhiều cách khác nhau: *Nhóm phiên dịch* (1995): Điện phạm, kiểu mẫu, mô thức.

Học viện Đa Minh (2002): Khuôn mẫu, hệ chuẩn. Thuật ngữ thần học ám chỉ những khuôn mẫu giải thích hay xếp đặt tư tưởng, những lối tiếp cận khác nhau (kể cả các đạo lý) khi tìm hiểu một vấn đề.

Từ vựng triết thần căn bản: khuôn mẫu, mô biểu; hệ biến hóa; trác ngôn (trình thuật Phúc Âm nêu bật một lời nói đặc biệt của Đức Giêsu).

⁸ Các định nghĩa này của T. Kuhn và bản dịch sang tiếng Pháp của Hans Küng được trích từ Hans Küng, *Une théologie pour le 3e millénaire*, du Seuil, Paris, 1989, trg. 185.

Các nhà tư tưởng lớn của Kitô giáo

Khái niệm này đã được áp dụng trong khoa học xã hội và nhân văn và Hans Küng đã đem vào sử dụng trong khoa thần học và Giáo hội. Ông đã dành một phần lớn của tác phẩm *Une théologie pour le 3e millénaire* [Một nền thần học cho thiên niên kỷ III]⁹ của mình để trình bày về việc ông áp dụng khái niệm hệ hình [paradigm] được sử dụng trong lĩnh vực khoa học tự nhiên này vào lĩnh vực thần học. Theo Hans Küng, trong lĩnh vực thần học, dựa vào Thomas S. Kuhn, người ta có thể gọi hệ hình là những mô hình lớn của sự nhận thức bao quát, của thần học và Giáo hội, đối diện với những xáo trộn lớn đánh dấu một thời kỳ.

Hans Küng nhận định: Vào những năm 1970, nền thần học đang trải qua một cuộc khủng hoảng. Cuộc khủng hoảng thần học hiện nay không phải là một cuộc khủng hoảng với những triệu chứng riêng rẽ, mà là một cuộc khủng hoảng đụng tới tận nền tảng. Nền thần học Công giáo đã khởi đầu – dưới thời Phaolô VI, rồi từ 1978, được Gioan Phaolô II củng cố – một diễn tiến của sự phục hồi. Một nền thần học phê phán đối với hệ thống và khuynh hướng dứt khoát có tính cách đại kết càng ngày càng mang thái độ tự vệ. Nhưng tại sao một nền thần học đại kết mà lại cũng phải mang khuynh hướng tự vệ? Để trả lời cho câu hỏi này, Hans Küng thấy là phải vượt lên trên những con người riêng rẽ, những biến cố riêng rẽ và những triệu chứng riêng rẽ. Hans Küng nhìn nhận việc phân tích các hệ hình, được nhà khoa học Thomas Kuhn đưa ra, đã giúp ông đặt cuộc khủng hoảng hiện nay vào một khung cảnh lịch sử rộng lớn hơn: như là cuộc tranh cãi, xung khắc không chỉ giữa các nhà thần học khác nhau và các nền thần học khác nhau, mà là giữa các hệ hình có tầm vóc lớn.

Để tránh mọi lẫn lộn, Hans Küng phân biệt **Macroparadigmus**, những hệ hình lớn hay những mô hình căn bản tạo nên thời kỳ, bởi vì chúng bao hàm một số lớn các **Mésoparadigmus** cho các lĩnh vực khác nhau của thần học (chẳng hạn, giáo thuyết về hai bản tính trong Kitô học, giáo thuyết của Anselmô về sự đền bù trong cứu độ học), và cả những **Microparadigmus** cho vô số các vấn đề chi tiết, những đối tượng của sự tranh luận cho các nền thần học khác nhau” (176).

⁹ **Hans Küng**, *Une théologie pour le 3e millénaire*, du Seuil, Paris, 1989. Nguyên tác: *Theologie im Aufbruch, Eine ökumenische Grundlegung*, R. Piper GmbH & Co. KG, Munich.

Đôi lời giới thiệu của người dịch

– Thay đổi hệ hình [Paradigmenwechsel]

Trong khoa học tự nhiên, các giả thuyết và lý thuyết mới có tính quyết định ra đời từ việc thay thế một mô hình nhận thức hay một hệ hình thịnh hành cho tới lúc này bằng một mô hình nhận thức hay một hệ hình mới. Sự thay đổi này được xem là một diễn tiến rất phức tạp và thường là dài hơi, nhưng lại mang tính cách cách mạng hơn là tiến hóa. Một hệ hình mới luôn bắt đầu từ khủng hoảng dẫn đến một cấu hình (Konstellation) mới, bao gồm những yếu tố cần thiết cho việc linh hoạt và giải thích, như khuôn mẫu của việc giải thích, hệ thống khái niệm, phương pháp, những lĩnh vực vẫn đề, những nỗ lực giải đáp, v.v.

Tiến sĩ Thomas S. Kuhn, nhà vật lý học và là nhà nghiên cứu lịch sử các khoa học người Mỹ, đưa ra lý thuyết này trong cuốn sách đã trở thành cổ điển của suy tư đương thời về các khoa học, *The structure of scientific revolutions*¹⁰. Và Hans Küng nhìn nhận ông đã nhờ lý thuyết này mà có được một cái nhìn sâu sắc và bao quát hơn, trong lĩnh vực thần học, về những vấn đề xoay quanh sự tăng trưởng của các tri thức, về sự phát triển, về sự tiến bộ, về nguồn gốc của cái mới và do đó, của cả những tranh luận hiện tại. Việc nói đến những thay đổi hệ hình, hay những bước ngoặt có tính hệ hình, không nhất thiết bao hàm ý tưởng tiến bộ hay thụt lùi, mà chủ yếu diễn tả “một sự linh hoạt có tính cách biện chứng về lịch sử thần học và Giáo hội, vốn luôn bao gồm các bước thăng trầm, tiến bộ trong kiến thức và những quên lãng, sự liên tục và đứt đoạn, những phủ nhận để tương đối hóa, những khẳng định nhằm phòng vệ và những bước tiến về phía trước để vượt lên” (176).

Tập sách của Hans Küng *Một nền thần học cho thiên niên kỷ III* cũng đã giới thiệu những nỗ lực và thành quả của những nỗ lực này của một *symposium* đại kết quốc tế do ông tổ chức tại Đại học Tübingen năm 1983 để bàn về học thuyết này trong thần học. Tại *symposium* này, các nhà thần học đã cố gắng lấy lại những phân tích căn bản, rất thích hợp và quan trọng đối với lịch sử và thuyết về các khoa học, và tự hỏi về khả năng áp dụng của nó vào các khoa học nhân văn, và chính xác hơn, vào thần học để bản thân nền thần học ý thức được vị trí, tình huống của nền thần học hiện đại. “Bản phác họa được trình bày tại *symposium* cho thấy rõ ràng điều này: vào thế kỷ này, chúng ta đang đối

¹⁰ The University of Chicago Press, 1996. Bản dịch tiếng Việt của Chu Lan Đình, *Cấu trúc các cuộc Cách mạng Khoa học*, Nhà xuất bản Tri thức, 2008.

Các nhà tư tưởng lớn của Kitô giáo

diện với sự cạnh tranh, thậm chí, nhiều khi đứng trước những đối nghịch, xung khắc không chỉ của những nền thần học khác nhau, mà của những hệ hình khác nhau. Sự xung khắc này là kết quả của sự thiếu hẳn tính đương thời [non-comtemporanéité], về mặt lịch sử, của những mô hình lớn của nhận thức do các thần học gia hay đại diện của Giáo hội áp dụng. Và để phân tích các sự chông chéo, nằm đè lên nhau của các hệ hình lớn khác nhau, tác giả khẳng định lý thuyết về hệ hình của T. Kuhn được coi là cực kỳ sáng sủa. Nền thần học hiện tại như vậy có thể làm chủ được gốc gác và tương lai của mình, và qua đó, nhận định đúng mức về mặt lịch sử từng hệ hình của một thời kỳ nhất định. Và chính bởi vì đây là những hệ hình, những tiền giả định cơ bản đã chín muồi từ lâu, cắm rễ sâu, tác động một cách có ý thức hay không có ý thức lên tất cả, mà xung khắc giữa những người được gọi là “cấp tiến” và những người được gọi là “bảo thủ” trong các Giáo hội khác nhau quá là gay gắt và có vẻ như loại trừ mọi khả năng dung hợp” (178).

Các nhà thần học tham gia *symposium* này đã nỗ lực tìm cách xuyên qua cái bề mặt của các nền thần học khác nhau để đi tìm một mẫu số chung. Kết quả, theo tập sách trên, họ đã nhận thấy là:

– Cộng đồng Kitô hữu – Do Thái tiên khởi với cấu hình khái huyền* và cánh chung*.

– Thời của các giáo phụ Irênê, Clément và Origen, Tertullianô và Cyprien, Athanasio và các giáo phụ Cappadocia*, dù các nền thần học của các ngài có những khởi điểm khác nhau, những nỗ lực giải quyết vấn đề khác nhau và kết luận khác nhau, nhưng các giáo phụ này cũng cùng nhau chia sẻ những xác tín của thời đại các ngài.

– Augustinô, Anselmô và Abélard, Thomas Aquinas và Bonaventura, Scot và Ockham, mặc dù có các phương pháp khác nhau và đạt đến những kết quả khác nhau về nội dung thậm chí không dung hòa được với nhau, nhưng các nhà thần học này vẫn phản ánh cái mô hình nhận thức căn bản của thời đại họ, thời Trung đại, vốn khác hẳn với mô hình nhận thức khái huyền của Kitô giáo tiên khởi, cũng như của các giáo phụ Hy Lạp và Latin.

– Giữa Luther, Zwingli và Calvin có những xung khắc thần học, nhưng giữa họ vẫn có một cái gì đó liên kết họ lại với nhau, một cái gì đó không dung hòa được với mô hình nhận thức của Giáo hội và thần học thời Trung đại mang đặc điểm Công giáo Roma, không giống phương Đông.

Đôi lời giới thiệu của người dịch

– Vào đầu thời kỳ hiện đại, dưới ảnh hưởng của nền triết học mới duy lý tính-thực nghiệm và của các khoa học tự nhiên, nền thần học bị phân hóa thành các trường phái đối nghịch nhau, nhưng không phải vì vậy mà các nhà thần học tiêu biểu của thời kỳ này như Semler, Reimarus, Schleiermacher, Baur, Ritschl, Harnack và Troeltsch, không nhìn nhận rằng không thể làm thần học như đã làm vào thời kỳ Cải cách hay thời kỳ chính thống thế phần.

– Theo lần của hai cuộc Thế chiến I và Thế chiến II, các phác họa mới của giải đáp trong thần học và trong Giáo hội đã phát triển. Các nỗ lực này nhằm phản ứng lại một cách thích đáng các xáo trộn lớn lao có tính văn hóa xã hội của thời đại chúng ta. Và một lần nữa, câu hỏi được đặt ra: cho dù có những khác biệt giữa Karl Barth, Rudolf Bultmann và Paul Tillich, giữa Niebuhr và Walter Rauschenbuch, trong các tiền giả định của họ, trong các phương pháp và kết luận của họ, họ vẫn gặp nhau không chỉ qua việc họ phê phán hệ thống Công giáo Roma và tính chính thống Tin lành, mà qua cả sự phê phán của họ đối với niềm tin vào lý tính và sự tiến bộ, xuất phát từ thời Khai minh, sự phê phán của họ về Tin lành văn hóa và về thuyết duy lịch sử, tóm lại, qua việc họ không thừa nhận chủ nghĩa khoáng đạt của thế kỷ XIX. Có thích hợp chăng việc đặt tất cả các nhà thần học này vào trong một khuôn khổ của một hệ hình mới của thần học và Giáo hội, hệ hình của thời sau thời Khai minh hay hệ hình hậu hiện đại?

Trong tất cả các trường hợp [hay thời kỳ] trên đây – trong đó đều có đứt đoạn và liên tục –, đều thấy xảy ra diễn biến này: cái khởi đầu là canh tân biến thành Truyền thống [Tradition], rồi Truyền thống trở thành vị truyền thống [traditionalisme]. Và khi ấy, người ta tìm cách duy trì mô hình nhận thức cũ quen thuộc hay phục hưng mô hình này bằng cách phủ cho nó một lớp sơn mới. Khi ấy, người ta có thể bảo vệ, trở thành kẻ biện hộ cho mô hình Hy Lạp hóa của Giáo hội cổ với những từ then chốt *paradosis* [luu truyền], *traditio* [truyền thống] và *patres* [giáo phụ]. Về phía Công giáo, người ta có thể là kẻ biện hộ cho khuyến hướng Tân kinh viện, cho hệ thống Công giáo-Roma thời Trung đại (hay Chống Cải cách) và cho một nền thần học kiểu Denzinger*, với những từ then chốt *ecclesia* [giáo hội], *papa* [giáo hoàng], *magisterium* [huấn quyền]. Về phía Tin lành, người ta có thể trở thành người bảo vệ cho một thứ chính thống vụ Thánh Kinh Luther hoặc Calvin, cho một chủ nghĩa bảo căn [fundamentalism] Tin lành, với các từ then chốt “*Lời Chúa*” và “*không sai lầm*” [inerrance]. Ngày nay, người ta cũng có thể nói đến một

Các nhà tư tưởng lớn của Kitô giáo

thứ chủ nghĩa vị truyền thống khoáng đạt [traditionalisme libéral] vốn chẳng chú trọng tới sự đối hưởng tới thời hậu hiện đại, sự phê phán về thời Khai minh với các từ then chốt “*lý tính*” và “*lịch sử*”.

Tập sách nhỏ này của Hans Küng về bảy nhà tư tưởng lớn của Kitô giáo có thể được xem như một thứ áp dụng lý thuyết hệ hình và thay đổi hệ hình để nhìn lại lịch sử thần học của Kitô giáo từ buổi đầu cho tới hiện tại:

Phaolô đã bắt đầu hệ hình Kitô giáo dân Ngoại/Hy Lạp và **Origen** là nhà thần học đã hoàn thành hệ hình này về mặt thần học với một cấu hình (Konstellation) bao gồm toàn bộ những xác tín, những giá trị và những cách thức tiến hành với cách diễn tả theo văn hóa Hy Lạp. Nếu Origen đã từ triết học Hy Lạp kiện toàn về mặt thần học thì **Augustinô** đã tạo nên một hệ hình mới từ kinh nghiệm cực kỳ đa dạng của mình thành một thứ tổng luận thần học. **Thomas Aquinas** là nhà thần học đã tạo nên những thay đổi rất quan trọng nhưng lại không phải là người đã tạo nên một hệ hình mới thực sự cho thần học, bởi vì, theo Hans Küng, ông quá lệ thuộc vào Augustinô, vào hệ hình Latin. Ông chỉ sửa đổi mà không thay thế hệ hình này. **M. Luther** đích thực là nhà thần học đã tạo nên một hệ hình mới, hệ hình Cải cách. **F. Schleiermacher** đã tạo ra hệ hình mới, hệ hình hiện đại của thời Khai minh hoàn toàn hướng về con người. Cuối cùng, **Karl Barth** là người khởi xướng chính hệ hình hậu hiện đại của thần học, khi Thế chiến I đẩy hệ hình hiện đại vào một cuộc khủng hoảng tận căn.

Cả một lịch sử thần học Kitô giáo được trình bày trong khuôn khổ của một tập sách chưa tới 300 trang khổ nhỏ (của nguyên tác) quả là một thách thức to lớn đối với người đọc, nhưng trước hết đối với người dịch. Nội dung của tập sách lại khá xa lạ với không ít bạn đọc. Để bù đắp các giới hạn này, chúng tôi có thêm một bảng từ vựng giải thích một số từ chuyên môn hay còn xa lạ với nền văn hóa ngoài Kitô giáo, các từ này đều được đánh dấu sao (*).

Sáng kiến về việc dịch tập sách này là của Nhà xuất bản Tri thức. Anh Bùi Văn Nam Sơn đã bỏ công sức và thời giờ xem lại, so chiếu và chỉnh sửa một số đoạn của bản dịch theo nguyên bản bằng tiếng Đức. Xin chân thành cảm ơn anh. Mọi giới hạn và sai sót là của người dịch. Phần trong dấu (...) là của chính tác giả. Phần trong dấu [...] là của người dịch.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 3/12/2009

NGUYỄN NGHỊ